

Số: /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 quận Hà Đông

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm ngày 29 tháng 11 năm 2013; Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 quận Hà Đông;

Căn cứ Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 quận Hà Đông;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các công trình, dự án thu hồi đất năm 2024; danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2024 trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 6588/TTr-STNMT-QHKHSĐĐ ngày 24/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 quận Hà Đông đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 (điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 16/4/2024) như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 quận Hà Đông:

- Bổ sung danh mục 06 dự án với tổng diện tích 4,323ha.
(Chi tiết tại Danh mục kèm theo).

2. Điều chỉnh diện tích các loại đất phân bổ trong năm 2024:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã đất	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
I	Tổng diện tích tự nhiên		4.964,23	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	1.143,92	23,04
1.1	Đất trồng lúa	LUA	626,67	54,78
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>625,73</i>	<i>54,70</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	330,04	28,85
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	97,32	8,51
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	41,82	3,66
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	48,06	4,20
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.793,89	76,42
2.1	Đất quốc phòng	CQP	57,44	1,51
2.2	Đất an ninh	CAN	26,36	0,69
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	0,00	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	281,10	7,41
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	169,20	4,46
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	87,60	2,31
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0,00	
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	4,25	0,11
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.441,23	37,99
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1.044,80</i>	<i>72,49</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>88,80</i>	<i>6,16</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>8,94</i>	<i>0,62</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>25,98</i>	<i>1,80</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>139,88</i>	<i>9,71</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>23,08</i>	<i>1,60</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>9,46</i>	<i>0,66</i>
-	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>1,18</i>	<i>0,08</i>
-	<i>Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia</i>	<i>DKG</i>		
-	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>DDT</i>	<i>0,21</i>	<i>0,01</i>
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>0,14</i>	<i>0,01</i>
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>15,74</i>	<i>1,09</i>
-	<i>Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	<i>NTD</i>	<i>69,48</i>	<i>4,82</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ</i>	<i>DKH</i>		
-	<i>Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội</i>	<i>DXH</i>	<i>4,43</i>	<i>0,31</i>
-	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>9,09</i>	<i>0,63</i>
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	13,36	0,35
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	187,31	4,94
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT		

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã đất	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	1.330,05	35,06
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	21,95	0,58
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	5,12	0,14
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	19,42	0,51
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	99,26	2,62
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	49,22	1,30
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,01	0,03
3	Đất chưa sử dụng	CSD	26,42	0,53
II	Khu chức năng		4.964,23	100,00
1	Đất khu công nghệ cao	KCN		
2	Đất khu kinh tế	KKT		
3	Đất đô thị	KDT	4.964,23	100,00
4	Khu sản xuất nông nghiệp	KNN	956,71	19,27
5	Khu lâm nghiệp	KLN		
6	Khu du lịch	KDL		
7	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT		
8	Khu phát triển công nghiệp	KPC	368,70	7,43
9	Khu đô thị	DTC	4.964,23	100,00
10	Khu thương mại - dịch vụ	KTM	169,20	3,41
11	Khu đô thị thương mại - dịch vụ	KDV		
12	Khu dân cư nông thôn	DNT		
13	Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn	KON		

3. Điều chỉnh Kế hoạch thu hồi các loại đất năm 2024:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã đất	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp	NNP	81,05
1.1	Đất trồng lúa	LUA	68,03
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>68,03</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	4,49
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	0,26
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	7,68
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,60
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	31,25
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,16
2.2	Đất an ninh	CAN	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2,70
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,89
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã đất	Tổng diện tích (ha)
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	4,92
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	4,67
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	0,05
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	0,01
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	0,02
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	0,01
-	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>DBV</i>	
-	<i>Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia</i>	<i>DKG</i>	
-	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>DDT</i>	
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	
-	<i>Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	<i>NTD</i>	0,13
-	<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ</i>	<i>DKH</i>	
-	<i>Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội</i>	<i>DXH</i>	
-	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	0,04
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,08
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	20,10
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,03
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,01
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1,46
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,89
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	

4. Điều chỉnh Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024:

	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã đất	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	81,14
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	68,12
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	68,12
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	4,49
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	0,26
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	7,68
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	0,60
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	1,48

5. Điều chỉnh số dự án và diện tích ghi tại điểm d khoản 1 Điều 1 Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 16/4/2024) của UBND Thành phố thành: 47 dự án với tổng diện tích 375,689ha.

6. Các nội dung khác ghi tại Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 và số 2019/QĐ-UBND ngày 16/4/2024 của UBND Thành phố vẫn giữ nguyên hiệu lực.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành của Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hà Đông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Thành ủy;
- TT HĐND TP;
- UB MTTQ TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- VPUB: PCVP; TNMT;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trọng Đông

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 CỦA QUẬN HÀ ĐÔNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2024 của UBND Thành phố)

STT	Dan h mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức,	Diện tích (ha)	Trong đó, diện tích đất thu hồi	Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Địa danh quận	Địa danh phường		
A	Các dự án có trong Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 02/7/2024 của HĐND Thành phố								
II	Dự án đăng ký mới thực hiện trong năm 2024								
1	Khu đô thị mới Dương Nội	ODT, DGT	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam cường Hà Nội	0,38	0,38	Hà Đông	Dương Nội	- Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 07/01/2008 của UBND tỉnh Hà Tây về việc Cho phép đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Dương Nội, thành phố Hà Đông, tỉnh Hà Tây; QĐ số 1419/QĐ-UBND ngày 14/03/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Quyết định số 1955/QĐ-UBND ngày 21/7/2008 của UBND tỉnh Hà Tây về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới Dương Nội thành phố Hà Đông - tỉnh Hà Tây; - Quyết định số 2997/QĐ-UBND ngày 28/7/2008 của UBND tỉnh Hà Tây (trước đây) v/v thu hồi bổ sung 341.583,4m ² đất trên địa bàn: xã Dương Nội, xã Yên Nghĩa, phường La Khê, phường Vạn Phúc - thành phố Hà Đông; giao Công ty TNHH Tập đoàn Nam Cường thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Dương Nội, thành phố Hà Đông (phần đấu nối giao thông đô thị, đất xen kẹt và dải cây xanh).	
B	Các dự án nằm ngoài Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 02/7/2024 của HĐND Thành phố								
II	Dự án đăng ký mới thực hiện trong năm 2024								
2	Xây dựng trường mầm non tại ô đất ký hiệu MG-02 Khu đô thị mới Dương Nội	DGD	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam cường Hà Nội	0,163		Hà Đông	Dương Nội	- Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 18/01/2008 của UBND tỉnh Hà Tây (trước đây) thu hồi đất và giao đất cho Công ty TNHH thương mại và du lịch Nam Cường (nay là Công ty cổ phần tập đoàn Nam Cường Hà Nội) để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Dương Nội (giai đoạn 1) - Dự án được UBND Thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 3794/QĐ-UBND ngày 23/6/2017, điều chỉnh chủ trương đầu tư tại các Quyết định số 2771/QĐ-UBND ngày 27/5/2019, số 1181/QĐ-UBND ngày 06/4/2022 và số 2950/QĐ-UBND ngày 06/6/2024; Tiến độ thực hiện dự án: Hoàn thành xây dựng công trình và đưa vào sử dụng Quý IV/2026	
3	Xây dựng trường mầm non tại ô đất ký hiệu MG-03 Khu đô thị mới Dương Nội	DGD	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam cường Hà Nội	0,125		Hà Đông	Dương Nội	- Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 18/01/2008 của UBND tỉnh Hà Tây (trước đây) thu hồi đất và giao đất cho Công ty TNHH thương mại và du lịch Nam Cường (nay là Công ty cổ phần tập đoàn Nam Cường Hà Nội) để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Dương Nội (giai đoạn 1) - Dự án được UBND Thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 5160/QĐ-UBND ngày 27/9/2018, điều chỉnh chủ trương đầu tư tại các Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 06/4/2022 và số 2949/QĐ-UBND ngày 06/6/2024; Tiến độ thực hiện dự án: Hoàn thành xây dựng công trình và đưa vào sử dụng Quý IV/2026	
4	Xây dựng trường Tiểu học tại ô đất ký hiệu TH-02 Khu đô thị mới Dương Nội	DGD	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam cường Hà Nội	0,782		Hà Đông	Dương Nội	- Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 18/01/2008 của UBND tỉnh Hà Tây (trước đây) thu hồi đất và giao đất cho Công ty TNHH thương mại và du lịch Nam Cường (nay là Công ty cổ phần tập đoàn Nam Cường Hà Nội) để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Dương Nội (giai đoạn 1) - Dự án được UBND Thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 3799/QĐ-UBND ngày 23/6/2017, điều chỉnh chủ trương đầu tư tại các Quyết định số 2771/QĐ-UBND ngày 27/5/2019, số 1182/QĐ-UBND ngày 06/4/2022 và số 2957/QĐ-UBND ngày 06/6/2024; Tiến độ thực hiện dự án: Hoàn thành xây dựng công trình và đưa vào sử dụng Quý IV/2026	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức,	Diện tích (ha)	Trong đó, diện tích đất thu hồi	Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Địa danh quận	Địa danh phường		
5	Xây dựng trường Tiểu học tại ô đất ký hiệu TH-03 Khu đô thị mới Dương Nội	DGD	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam cường Hà Nội	1,069		Hà Đông	Dương Nội	- Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 18/01/2008 của UBND tỉnh Hà Tây (trước đây) thu hồi đất và giao đất cho Công ty TNHH thương mại và du lịch Nam Cường (nay là Công ty cổ phần tập đoàn Nam Cường Hà Nội) để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Dương Nội (giai đoạn 1) - Dự án được UBND Thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 3792/QĐ-UBND ngày 23/6/2017, điều chỉnh chủ trương đầu tư tại các Quyết định số 2771/QĐ-UBND ngày 27/5/2019, số 1183/QĐ-UBND ngày 06/4/2022 và số 2951/QĐ-UBND ngày 06/6/2024; Tiến độ thực hiện dự án: Hoàn thành xây dựng công trình và đưa vào sử dụng Quý IV/2026	
6	Xây dựng trường tiểu học - trung học cơ sở tại ô đất ký hiệu TH-04 Khu đô thị mới Dương Nội	DGD	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam cường Hà Nội	1,804		Hà Đông	Dương Nội	- Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 18/01/2008 của UBND tỉnh Hà Tây (trước đây) thu hồi đất và giao đất cho Công ty TNHH thương mại và du lịch Nam Cường (nay là Công ty cổ phần tập đoàn Nam Cường Hà Nội) để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Dương Nội (giai đoạn 1) - Dự án được UBND Thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 3781/QĐ-UBND ngày 23/6/2017, điều chỉnh chủ trương đầu tư tại các Quyết định số 2771/QĐ-UBND ngày 27/5/2019, số 1184/QĐ-UBND ngày 06/4/2022 và số 2945/QĐ-UBND ngày 06/6/2024; Tiến độ thực hiện dự án: Hoàn thành xây dựng công trình và đưa vào sử dụng Quý IV/2026	